

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09 tháng 4 năm 2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Dầm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Thi Thị Tuyết Nhung;

2. Ông Nguyễn Hoàng Tam.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 480/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tổ 11, ấp Long Thành, xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;

**- Bị đơn:** Chị Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Tổ 11, ấp Long Thành, xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Anh C có mặt tại phiên tòa; Chị L vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh C và chị L tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 15/3/2012. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, luôn xảy ra tranh cãi

với nhau, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc như trước. Anh C và chị L đã không còn chung sống nhau khoảng hai năm nay và đến nay không hàn gắn lại được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị Mỹ L.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh C và chị L có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/4/2007 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 08/12/2013. Hiện các cháu đang sống chung với chị L. Sau khi ly hôn, anh C đồng ý giao chị L tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.00 đồng/01 cháu, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 09/5/2021.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 773/TB-TLVA ngày 15/12/2020 cho chị Trương Thị Mỹ L thông qua người thân là ông Trương Văn T (cha ruột chị L) nhận thay và ông T xác nhận có thông tin cho chị L biết về việc anh Nguyễn Văn C khởi kiện ly hôn với chị L tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của chị L đối với yêu cầu của anh C và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của chị L gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị L vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm, con chung được. Ngày 19/3/2021, Tòa án ban hành Thông báo số 84/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho chị Trương Thị Mỹ L được biết thông qua việc tổng đạt cho người thân nhận thay (ông Trương Văn T là cha ruột chị L) nhưng chị L không gửi văn bản ghi ý kiến của chị L cho Tòa án.

Tại phiên tòa, chị L vắng mặt, anh C cương quyết yêu cầu ly hôn với chị L.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh Công An xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh (ghi lời khai) của ông Trương Văn T (cha ruột của chị Trương Thị Mỹ L); Biên bản ghi nhận ý kiến cháu Nguyễn Văn K và cháu Nguyễn Văn T; Biên bản xác minh Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Cụ thể:

- Ngày 27/01/2021, qua xác minh tình trạng cư trú của chị Trương Thị Mỹ L tại Công an xã Long An, thị xã Tân Châu, được biết: Đương sự Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1982 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 11, ấp Long Thành, xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chủ hộ là ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1988; Chị L chưa cắt, chuyển hộ khẩu đi nơi khác sinh sống. Hiện nay, đương sự L không có mặt tại địa phương do đang đi làm ăn xa, vẫn thường xuyên về thăm gia đình, thăm con.

- Ngày 27/01/2021, qua xác minh ông Trương Văn T – cha ruột của chị Trương Thị Mỹ L trình bày: Vợ chồng C-L tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào khoảng năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long An, thị xã Tân Châu. Sau khi kết hôn, vợ chồng C-L sinh sống tại địa phương, L thì mua bán nhỏ hàng ngày, C thì làm thuê. Vợ chồng C-L chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Do cuộc sống hàng ngày ở địa phương kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường hay bất hòa, vợ chồng C-L không còn chung sống khoảng 02 năm nay. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên đã nhiều lần động viên để vợ chồng C-L hàn gắn tình cảm lại với nhau nhưng không có kết quả. Vợ chồng C-L có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 2007 và Nguyễn Văn K, sinh năm 2013. Hiện nay các cháu đang sống chung với mẹ và bên ngoại. Mặc dù chị L đi làm thuê ở xa (phụ giúp việc gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh) nhưng thường xuyên gửi tiền về nhà để nuôi các cháu và thường về thăm các con.

- Ngày 08/02/2021, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu có tiến hành lập biên bản ghi nhận ý kiến cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 08/12/2013 và cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/4/2007 có sự giám hộ của anh Nguyễn Văn C. Cháu Nguyễn Văn K và cháu Nguyễn Văn T có trình bày ý kiến nguyện vọng sống với mẹ là chị Trương Thị Mỹ L khi anh Cảnh và chị L ly hôn.

- Ngày 17/3/2021, qua xác minh tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con tại Chi Hội Phụ nữ ấp Long Thành, xã Long An, thị xã Tân Châu được biết: Anh Nguyễn Văn C và chị Trương Thị Mỹ L có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Sau khi anh C-chị L tổ chức đám cưới cùng sinh sống tại địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Hiện nay các cháu được chị L chăm sóc tốt và có điều kiện được ăn học đầy đủ.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa: Anh C và chị L tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân, có

đăng ký kết hôn tại UBND xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 15/3/2012. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, luôn xảy ra tranh cãi với nhau, vợ chồng không còn hạnh phúc như trước. Anh C và chị L đã không còn chung sống nhau khoảng hai năm nay và đến nay không hàn gắn lại được. Mặt khác, anh C trước đây có xin ly hôn và đã rút đơn ly hôn để vợ chồng có thời gian hàn gắn đoàn tụ chung sống nhau nhưng không thành, Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị Mỹ L là có căn cứ.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh C và chị L có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/4/2007 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 08/12/2013. Hiện các cháu đang sống chung với chị L. Sau khi ly hôn, anh C đồng ý giao các cháu cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 cháu, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 09/5/2021. Chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến, nếu sau này giữa anh C và chị L có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Trương Thị Mỹ L.

Về nuôi con chung: Chị Trương Thị Mỹ L nuôi dạy các cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/4/2007 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 08/12/2013. Công nhận sự tự nguyện của anh C về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 cháu, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 09/5/2021.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*\*Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị Mỹ L. Chị L có nơi cư trú: Tổ 11, ấp Long Thành, xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Trương Thị Mỹ L được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*\* Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh C và chị L tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 15/3/2012. Hôn nhân giữa anh C và chị L là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Anh C khai, sau khi kết hôn, anh C và chị L chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, luôn xảy ra tranh cãi với nhau, vợ chồng không còn hạnh phúc như trước. Anh C và chị L đã không còn chung sống nhau khoảng hai năm nay và đến nay không hàn gắn lại được. Mặt khác, anh C trước đây có xin ly hôn và đã rút đơn ly hôn để vợ chồng có thời gian hàn gắn đoàn tụ chung sống nhau nhưng không thành, nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị Mỹ L.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho anh C và chị L hàn gắn tình cảm gia đình nhưng chị L vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Từ đó, cho thấy chị L chưa thật sự hàn gắn tình cảm với anh C.

Tình trạng vợ chồng anh C và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho anh C ly hôn với chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: Anh C và chị L có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/4/2007 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 08/12/2013.

Anh C đồng ý để các cháu T và cháu K sống cùng với mẹ là chị Trương Thị Mỹ L và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 cháu, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 09/5/2021.

Biên bản ghi nhận ý kiến cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 08/12/2013 và cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/4/2007 có sự giám hộ của anh Nguyễn Văn C. Cháu Nguyễn Văn K và cháu Nguyễn Văn T có trình bày ý kiến nguyện vọng sống với mẹ là chị Trương Thị Mỹ L khi anh C và chị L ly hôn.

Biên bản xác minh (ghi lời khai) ông Trương Văn T – cha ruột của chị Trương Thị Mỹ L trình bày: Vợ chồng C-L có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 2007 và Nguyễn Văn K, sinh năm 2013. Hiện nay các cháu đang sống chung với mẹ và bên ngoại. Mặc dù Lương đi làm thuê ở xa (phụ giúp việc gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh) nhưng thường xuyên gửi tiền về nhà để nuôi các cháu và thường về thăm các con.

Biên bản xác minh tại Chi Hội Liên hiệp phụ nữ xã Long An, thị xã Tân Châu: Anh C và chị L có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 2007 và Nguyễn Văn K, sinh năm 2013. Hiện nay các cháu được chị L chăm sóc tốt và có điều kiện được ăn học đầy đủ.

Xét, anh C chấp nhận để chị L nuôi dưỡng các con chung là các cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/4/2007 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 08/12/2013 và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 cháu cho đến khi các cháu thành niên và lao động được, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 09/5/2021 là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Trương Thị Mỹ L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, nếu sau này giữa anh C và chị L có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng anh C phải chịu 600.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, số còn lại 300.000 đồng, anh C phải nộp tiếp tục.

Chị Trương Thị Mỹ L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

Anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Trương Thị Mỹ L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15 ngày 15/3/2012 do Ủy ban nhân dân xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Văn C và chị Trương Thị Mỹ L không còn giá trị pháp lý

Về nuôi con chung: Chị Trương Thị Mỹ L được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/4/2007 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 08/12/2013 đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Công nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn C về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 cháu cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 09/5/2021.

Chị Trương Thị Mỹ L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng anh C phải chịu 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0006533 ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Số còn lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh Nguyễn Văn C phải nộp tiếp tục vào Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Chị Trương Thị Mỹ L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh C là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của chị L là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành*

*án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- UBND xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Dầm**